

# NHẤT THIẾT KINH ÂM NGHĨA

## QUYỂN 27

### ÂM KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA

(8 Quyển thêm Phẩm Pháp Hoa cũng dùng chung)

### PHÁP HOA ÂM HUẤN

*Sa-môn Đại thừa Cơ soạn.*

*Sa-môn Tuệ Lâm san dịch lại.*

Kinh Diệu Pháp Liên Hoa. Đây chính là lời mầu gõ vào chỗ thâm sâu là áo chỉ thức tỉnh hồng cơ. Phát huy chân thừa để mở rộng cửa không. Che ánh bình minh mà mở rộng thiên cù, diễn bày giác thủy để chìm ẩn bến bờ. Mang ơn trạch đổ thông địa kỷ, quả thật là đức tử của pháp vương người vững niềm tin ắt vượt qua nghiệp, vì thế những cao tăng nơi kim địa đều quy chân mà tìm về chỗ sâu dày. Những tín sĩ lỗi lạc nơi Dao sơn cũng bỏ đạo mà cầu tôn. Kẻ say mê pháp vị thật không kể xiết, người luận bàn chẳng phải một. Hội ngũ âm (cung... thương... vũ) không giống dấu vết thường có sai lầm chương cú sư đã hành rộng đạo thanh đệ cũng nói suông. Dư cơn không rõ tăng thêm sự mê lầm đối với đường thẳng tham khảo tường tận bản dịch xưa, với chút công phu, văn tuy không thành nghĩa vị siêu xuất nhưng lại do sự truyền, thử xem các bài tán không đáng hành theo bên nổi giận với việc tu xưa, nhưng thương xót kẻ hậu học, chế huyền tán mười quyển, âm huấn một quyển. Tán thì lấy bốn luận làm đầu, có chỗ thiếu sót thì nhờ vào sách khác. Âm thì lấy Thuyết Văn làm chính, áp dụng đầu những lời huấn mầu nhiệm. Ý chỉ các sách thật tinh huyền. Tạm khảo cứu nguồn cội. Văn hoa nhã bóng bẩy cũng mò tận căn do. Tuy chưa định được chỉ nam quả thật đúng gọi là chỗ sâu dày để làm trục bắc. Bạc thức giả người thông triết hãy tự nương lấy. Ngõ hầu kích phát tạng tâm, làm bừng lên cảnh sáng lạng không ngừng, khói phủ non cao đạo truyền mãi không dứt soi mãi không ngớt, tường tận chỗ sâu xa.

## KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA PHẨM TỰA

Tiếng Phạm gọi là Tát-đạt-ma-bôn-trà. Lợi-ca-tố-đát-lã-tát là diệu, chánh, Đạt-ma là pháp. Tây Vực nói hoa sen trắng là kinh Bôn-trà-lợi-ca-đát-lãm. Nên nói là Diệu Pháp Bạch Liên Hoa Kinh phóng hài quang sáng trắng. Nương vào bạch ngư. Bạch là sắc chính trong các sắc, là nền tảng của Nhất thừa, Nhị thừa. Cho nên lấy hoa sen trắng dụ cho diệu pháp. Bản Phạm vốn không có chữ bạch riêng, nên gọi chung là Liên Hoa Pháp bao hàm nhiều sự súc tích và tốt lành nên gọi là diệu. Ngọc Thiên nói diệu là tính, lại nói diệu là tốt đẹp. Văn Cổ viết bộ huyền pháp là quy tắc là khuôn phép, cũng gọi là trí. Hoa bao hàm tất cả sự tốt đẹp. Liên là hoa sen, chữ cổ dịch là chẳng phải vì không có âm. nay không sử dụng chữ.

Kinh: Xuyên qua, thâm nhiếp, Ngọc Thiên gọi là cứu, thường, kinh doanh quy cầu kinh lý số, pháp, độ. Đông Tây làm vĩ, Nam Bắc làm kinh, dụ cho sự kết nối.

Tự: Tự là nguyên do lời mở đầu. Ngọc Thiên nói Đông Tây đường gọi tự thuật về chỗ cao thấp.

Phẩm: Là sự tích tụ, có sự phân biệt chương loại, Ngọc Thiên gọi là lợi trình, pháp, loại, thức.

Đệ: Đệ là vị trí, là thứ lớp.

Nhất: Nhất là đầu tiên, Ngọc Thiên nói là số đầu của các số.

Phật: Tiếng Phạm là Phật-đà. Hán dịch là Giác, đây lược bỏ chữ Đà chỉ nói chữ Phật bậc đầy đủ nhất thiết trì nhất thiết chứng trí, có khả năng tự giác ngộ và giác ngộ cho người như nằm mộng tự tỉnh giấc, như hoa sen nở, nên gọi là Phật bao hàm nhiều nghĩa.

Kỳ xá Phật sơn: Âm phạm là kiết Lợi-đà-la cả trát sơn. Hán dịch là thứu phong cũng gọi là thứu huệ. Vì trên đỉnh núi này nhiều chim thứu ở, còn nhiều âm khác nhưng không phiên dịch, chỉ nêu nghĩa chính.

Tỳ-kheo: Tiếng Phạm là Bí-sô, từ này có đủ năm nghĩa, bố, ma, khát sĩ, tịnh mạng, phá ác.

Vô phục: Nghĩa là phi hữu: Hoặc viết là vô phục là qua lại.

Đãi đắc: Nhĩ Nhã nói đãi là đến, Phương Ngôn nói từ quan đi về Đông Tây gọi cập là đãi, có bản viết đãi là lộc. Quảng Nhã nói lộc là đông.

A-nhã-kiều-trần-như: Tiếng Phạm: A-nhã-đa-kiều-trần-na. A-nhã-đa là giải, vì lúc mới hiểu pháp. Kiều Trần Na là đồng Bà-la-môn, con trai theo họ cha Tân dịch là giải Kiều Trần Na

Ma-ha-ca-diếp: Tiếng Phạm: Ma-ha-ca-nhiếp-ba. Hán dịch Đại Âm Quang dòng Bà-la-môn đều là biểu thị đức cao.

Ưu-lâu-tần-loa-ca-diếp: Ô-lư-tần-loa-ca-diếp-ba. Ô-lư-tần là quả dưa. Tên con rồng trong ao, trước ngực có sẹo như quả dưa nên theo đó đặt tên.

Dà-da-ca-diếp: Dà-da là tên núi.

Na-đề-ca-diếp: Tên sông Nại-đức-ca.

Xa-lợi-phất: Xá-lợi-phất-đát-la. Hán dịch là thu tử.

Đại mục kiền liên: Tiếng Phạm: Ma-ha một Đặc-la-ca. Hán dịch là Thọ Thái Thúc. Cũng gọi là Lục Đậu Tử, họ mẹ là Thái Lục Đậu thuộc dòng dõi tiên nhân, đặt theo tên cha là Câu-lợi-ca, Câu-lệ-đa, Câu-luật-đà đều sai.

Ma-ha-ca-diên-diên: Ma-ha-ca-đa-diễn-na. Hán dịch là con trai của dòng Đại Tiễn Sang, thuộc dòng Bà-la-môn

A-nậu: Thuyết Văn gọi là con thỏ.

Lâu đà: A-ni-luật-đà, Hán dịch là vô diệt.

Kiếp-tân-na: Đường gọi là phòng tức.

Kiều Phạm Ba-đề: Cấp phòng bát đế. Hán dịch là tướng trâu.

Ly-bà-đa: Hiệt-lệ-phiệt-đa, Hán dịch là thất tinh là ngôi sao phương Bắc, cầu khẩn được con nhân đó mà đặt tên con, có bàn gọi là Ly-bà-đa, nên lấy Ly-bà-đa làm chính.

Tất lãng già bà ta: Tất-lan-đà-phiệt-ta, Hán dịch là dư tập.

Bạc-câu-la: Bạt-củ-la, Đường gọi là thiện dung.

Ma-hạ-câu-hy-la: Ma-ha-câu-sất-sĩ-la. Hán dịch là đại tất.

Nan đà: Đường gọi là hỉ.

Tôn-đà-la-nan-đà: Tôn-đạt-la-nan-đà, Hán dịch là phong hỷ.

Phú-lâu-na-di-đa-la-ni-tử: Bồ-lạc-noa-mai-đát-lợi-duệ-ni-phất-đát-la: Hán dịch là mãn từ tử, Bồ-lạc-noa là mãn, Ma-đát-lợi-duệ-ni trong tiếng nữ gọi là từ. Phất-đát-la là tử. Từ là mẹ, mãn là tên mình. Vị tôn giả tử này là con của tứ nữ, hoặc mãn và từ đều là tên mẹ nên nói mãn từ tử.

Tu Bồ-đề: Tô-bồ-đề. Hán dịch là Thiện Hiệ

A-nan: A-nan-đà, Khánh Hỷ.

La-hầu-la: A-hổ-la, Hán dịch là chấp nhật, vốn gọi chấp nhật A-tổ-lạc. Kiếp trước lấy tay che ánh sáng mặt trời nên nay lấy đó làm thí dụ.

Ma-ha-ba-xà-ba-đề: Ma-ha-bát-lợi-xà-bát-đề. Hán dịch là đại thắng sanh chủ.

Da-thâu-đà-la: Da-nhung-đạt-la. Hán dịch là trì dự.

Tỳ-kheo ni: Tỳ-kheo ni.

Bạc có khi viết cũng thông.

Bồ-tát Ma-ha-tát: Bồ-đề giác, tuệ, tát-đỏa là hữu tình, dưng kiện, phương tiện giác là quả sở cầu của trí. Hữu tình là việc độ sanh do lòng yêu thương theo lời hoằng thệ gọi là Bồ-tát hoặc hữu tình người đồng mãn cầu quả giác hoặc do diệu tuệ và phương tiện khéo léo lợi lạc khắp nơi, nên nói là Bồ-tát Ma-ha-tát.

A-nậu-đa-la-tam-miêu-tam-Bồ-đề: Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, Mạt-già nói là đạo Bồ-đề.

Đà-la-ni: Nghĩa là tổng trì.

Thực chúng: Thương Hiệt Thiên gọi là chúng. Quảng Nhã gọi là tích, lập, bình khứ thanh đều được.

Thường vi: Ngọc Thiên gọi là sử, bị. Mẫu hầu loài cầm thú này có móng tốt, bắt người

Văn Thù Sư Lợi: Mạn Thù Thất Lợi. Đây gọi là diệu kiết tường.

Bạc-đà-ba-la: Hán dịch là hiền hộ, đại luận gọi là thiện thủ.

Di-lặc: Mai-đát-lợi-duệ: Hán dịch là từ thị thị là tánh, hoặc lấy tâm hạnh làm họ.

Thích Đế Hoàn Nhân: Thích Ca Đề Bá Nhân Đạt La. Thích Ca là dòng họ Sát Đế Lợi. Hán dịch là năng, Đề-bà là thiên. Nhân đạt la là đá.

Ta-bà: Sách-ha, Đường gọi là kham nhẫn.

Phạm thiên: Phạm ma, Hán dịch là tịch tịnh hoặc nói là thanh tịnh khiết.

Bạt-nan-đà: Hiền hỷ.

Sa-già-la: Cũng gọi là Sa-kiệt-la, tên muối biển.

Hòa tu kiết: Phiệt tô chỉ, Hán dịch là cửu đầu.

Đức-xoa-ca: Đa thiết.

A-na-bà-đạt-đa: A-na-bà-đạp-đa, Hán dịch là vô nhiệt não ao.

Ma-na-tư: Ma-nại-tư: Hán dịch từ tâm.

Âu-bát-la: Ôn-bát-la, hoa sen hồng có khi viết là Ưu-bát, nhưng phải viết Ôn-bát mới đúng.

Khẩn-na-la: Khẩn-nại-lạc, ca thân.

Nhạo: Khiến cho ưa Thích Phạm nói Ma-nô thị nhược lệ phược la. Hán dịch là khả ý cũng gọi là như ý, chính Pháp Hoa Kinh gọi như nhuễn, hòa âm Thiên tử

Càn-thát-bà: Kiện-đạt-phược, Hán dịch là tầm hương là nhạc

thần.

A-tu-la: A-tô-lạc. Phi thiên.

Bà-trĩ: Bạt-trĩ-ca là đoàn viên, chính Pháp Hoa gọi là tối thắng. Bạt-đà nghĩa là phước, phước ở đây chẳng phải bị trói buộc.

Khư-la-khiển-đà: Bấp vai rộng.

Tỳ-ma-chất-đa-la: Phệ-ma-chất-đát-lợi. Hán dịch là ý họa, bảo sức.

La-hầu: La-hổ-la, chấp nhật.

Ca-lâu-la: Các-lộ-trà: Diệu xí diệu.

Vi-đề-hi-tử-a-xà-thế vương: Phệ-đề-sắc thắng thân phệ là thắng. Đề sắc là thân, tức là Đông Châu Tỳ-đề-ha là tiếng gọi người nam. Người mẹ cầu xin thần núi sanh ra ông A-đồ-đa-thiết-tuất-lộ, Hán dịch là vị sanh oán chiết chỉ là tên vua.

Ca-pha: Nhĩ Nhã nói ca là trùng, ngồi xếp chân.

Vô lượng nghĩa xứ;

Tam-muội: Tam-ma-địa. Hán dịch là đẳng trí, bình đẳng giữ tâm trụ vào cảnh.

Thiên vũ:

Mạn-đà-la-hoa: Hoa thích ý.

Mạn-thù-sa-hoa: Hoa mềm mại.

Lạc chủng chấn động: Ngọc Thiên nói chấn cũng là động, khởi.

Ưu-bà-tắc-ưu-bà-dị: Ô-ba-sách-ca, Ô-ba-tư-ca, Ô-ba là cận, ca là sự. Sách là nam, Hán dịch là cận sự nam, tư là nữ. Cận sự nữ.

Dạ-xoa: Dược-xoa Hán dịch là Nam kiện. Tức là phi hành, cũng bao gồm loài đi dưới đất. Các-la-sát-bà-la-sát, Hán dịch là bạo ác, khả úy.

Ma-hầu-la-già: Mạc-hô-lạc-ca: Hán dịch là đại phúc, thuộc loại ểnh ương, ốc bươu.

Phóng mi gian bạch hào: Trang Tử Sở nói người có lông mi đẹp gọi là hào. Ngọc Thiên nói hào là lông dài.

Kinh Quán Phật Tam Muội nói: Lúc làm Thái tử dài năm thước, lúc dưới cội Bồ-đề dài một trượng bốn thước rưỡi cho đến lúc thành Phật rồi dài một trượng năm thước, phóng ra cuộn tròn như ánh trăng thu, chiếu sáng lòa sắc trắng như ngọc tuyết.

Mĩ: Nhĩ Nhã nói mỹ là vô.

A-tỳ-địa-ngục: Phạm gọi là Nại-lạc-ca: Hán dịch là khổ khí, cũng gọi là bất khả lạc, cũng gọi là phi hành phi pháp hành xứ. Hoặc ở trong núi đồng trống, không trung, nay nói địa ngục là ở dưới quả đất.

A-cam-trá: Cổ văn Ấn Độ đồng với A-ca là chất ngại, ni-sắc là cứu cánh.

Tu hành;

Tướng mạo: Nghi dung.

Niết-bàn: Thuyết Văn nói hắc thổ ở dưới nước, từ thủy, thổ gọi tên, từ bộ I viết là sai.

Xá-lợi: Thiết lợi la: Thế.

Tháp: Tiếng phạm là Tốt Đồ Ba. Hán dịch là Cao Hiển, Chế Đa Là Linh Miếu Luật nói tháp bà, không có Xá-lợi gọi là chi đề, nay tháp là tốt đồ.

Thụy: Ngọc Thiên gọi là tiết tín, ứng hợp.

Kệ: Phạm ngữ là Đà-đà, Hán dịch là tụng mỹ ca, thất hư ca, tức là một bài kệ bốn câu ba mươi hai chữ.

Xuất nhu nhuỷễn: Quảng Nhã nói nhu nhuỷễn là mềm yếu. Thông Tục Văn nói vật mềm là nhuỷễn, Hán Thư nói nhuỷễn không chịu đựng nổi.

Tào khổ yếm: Ngọc Thiên nói yếm là ăn Ngọc Thiên rồi không muốn ăn thêm nữa.

Hằng sa: Là yên thân sông già. Con sông đặt tên theo vị thần. Con sông này có đầy đủ năm nghĩa, các kinh phần nhiều y cứ vào im lặng.

Kim: Thuyết Văn nói trong năm sắc màu vàng ròng là lâu dài. Chôn cất không phai, luyện trăm lần cũng không giảm nhẹ.

Ngân: Bạch kim..

San hô: Báu sắc đỏ.

Ma-ni: Ma-ni như ý châu.

Xa cừ: Mâu-sa-lạch-yết-bà, Hán dịch là xa cừ sắc xanh pha lẫn trắng.

Mã não: Yết thấp Ma-kiệt-bà: Hán dịch là chữ tạng. Yết thấpma là chữ,, kiệt bà là tạng màu sắc giống như trên đầu ngựa.

Nô: Xưa, người có tội không nhốt mà bắt làm nô tỳ.

Tỳ: Thuyết Văn nói tỳ là chỉ cho người con gái làm phục dịch.

Xa: Thuyết Văn nói đó là tên chung của xe cộ, hạ hậu thị viện trọng chế tạo, âm cổ là cư, cư ý nói chiếc xe nói vận hành là do người lái. Ngày nay cư là xá, ý nói chỗ ở của người đi đường là xá.

Thặng: Quảng Nhã nói thặng là cỡi có thể ngồi lên. Chu Lễ nói bốn con ngựa là thừa, thừa là chở.

Liễn: Thuyết Văn gọi là người kéo xe ở phía trước có người cầm cán dẫn. Ngày xưa Khanh Đại Phu cũng ngồi trên chiếc xe này. Từ đời

Hán trở đi, Thiên Tử mới ngồi. Ngọc Thiên nói Thiên Tử Hoàng Hậu ngồi trên xe mới gọi là liễn.

Đủ: Thuyết Văn nói dư là xe, khi ông nói có bánh gọi là dự. Nay xe và dự là loại riêng.

Tứ: Thuyết Văn nói bốn con ngựa làm một xe gọi là tứ. Ngọc Thiên gọi là đuổi, phóng tinh tứ gọi là Thiên Tứ.

Lan: Lan là chốt cửa.

Thuấn: Thuyết Văn nói đó là hiện thêm.

Hoa cái: Xưa nay chú rằng. Hoàng Đế cùng cầu vòng đấu nhau ở rừng trúc lộc. Thường có năm sắc khí mây cành vàng lá ngọc dừng ở trên Đế

Can sức: Thanh Loại gọi là đặt yên trên xe, Ngọc Thiên nói trái trên xe để ngồi, trang sức bằng bảo bối.

Thê: Thuyết Văn nói. Vợ và mình ngang nhau.

Nhi bị: Bị là mang, đắp, khoác.

Phá ma: Ma-la. Hán dịch là phá hoại hoặc nói Ma-tỳ-dạ, tàu là ác, thành ác pháp, mang ý ác, gọi là ác Ma-ba-tuần.

Yến: Là an nghỉ.

Vị thường: Nhĩ Nhã nói thường là thử.

Chùy đả: Chùy là nện, âm ngô gọi là đỉnh. Nay lấy âm tần là đả, đả là đánh bằng gậy, Quảng Nhã nói chùy đả là đánh đập.

Hào thiện: Quốc Ngữ nói: Thức uống là hài dã quý nói hào là món ăn. Ngọc Thiên gọi là đậu thực. Thuộc loại rau đậu. Thiện là món ăn. Chu Lễ gọi là phu. Trịnh Huyền nói thiện là lời hay. Nay vật đẹp cũng gọi là trân thiện, Quảng Nhã gọi là thịt.

Chiên đàn: Chiên đàn na. ngư đầu chiên đàn, thuộc loại đồ trắng thì gọi là bạch đàn.

Giáo chiêu: Giáo là huấn, Tự Lâm nói. Chiêu là gọi. Nhĩ Nhã gọi là dẫn dắt.

Quách Phác gọi là giác đạo. Thích Danh gọi chiêu là chiếu. Người mê phạm lỗi nên bảo răn họ khiến họ biết căn do. Có bản viết chiêu là dụ dẫn.

Do-tuần: (đã giải).

Tung: Thi nói: Tung là chiều rộng của ruộng, Hàn Thi Truyện nói Nam Bắc là tung, Đông Tây là hoành, Chu Lễ gọi là số địa vực rộng lớn của Cử châu Trịnh Huyền nói luân là tung, quăng là hoành. Quảng Nhã viết Thiết Vân Chỉ viết có khi viết không biết điểm xuất phát.

Châu giao lộ mạn: Thuyết Văn nói mạn là màng bộ cân, ở một

bên gọi là duy, ở trên gọi là màn, màn là che, che lên chỗ hở. Các kinh nói lấy châu kết rủ xuống chỗ hở có khi viết Thuyết Văn gọi là vải lụa không có hoa văn.

Hòa minh: Thuyết Văn gọi là âm nhạc hòa điệu.

Thị: Có khi viết nhĩ thời, phải viết thị thời mới đúng.

Duy: Ngọc Thiên nói duy là suy nghĩ, nghĩ, mưu tính.

Thổn:

Vũ đại pháp vũ:

Xúy: Hơi thoát ra từ miệng.

Loa: Loại trùng dưới nước.

A-tăng: A-tăng xì da: Hán dịch là vô ương số, tên tận cùng của con số. Câu-xá Luận nói số này có sáu mươi truyện. Mất hết tám vô ương số là năm mươi hai. Hoa Nghiêm nói một trăm hai mươi, là số một trăm hai mươi trong vô số.

Kiếp: Kiếp lập ba, Hán dịch là phần thời.

Bích-chi-phật: Bích-chi-ca Hán dịch là độc, Phật-đà là giác.

Thuyết ứng: Truyện nói phải căn cứ theo pháp tướng mà gọi. Gọi chung là kế ứng.

Tánh: Thuyết Văn gọi là con người sanh ra thời xưa thần nhân thánh nhân do mẹ cảm trời mưa sanh con, nên nói Thiên Tử do sanh lấy đó làm họ, nên chữ này lấy bộ nữ và chữ sách.

Phả-la-đọa: Dòng Bà-la-môn

Giải: Mệt mỗi, lười biếng.

Quyện: Mệt, cực, chỉ.

Sa-môn: Nghĩa là dừng lại, do đặc pháp nên dừng các ác pháp.

Bà-la-môn: Nghĩa là tịnh hạnh trong bốn loại vì học theo tịnh hạnh.

Đa-đà-a-già-độ: Đát- tha-yết-đa, nghĩa là Như-lai.

A-la-ha: A-la-hán, Hán dịch là ứng.

Tam miệu tam Phật đà: Chánh đẳng giác lợi dưỡng.

Giải đãi: Nhĩ Nhã nói giải tức là đãi. Tập Chú nói giải là cực, đãi là nọa. Thích Danh nói giải là mở ra, gân cốt rã ra. Giải đãi là mạn. Phóng thân buông thả để rơi xuống.

Lưu ly:

Pha lê: (đã giải)

Thích tùng: (đã giải).

Tộc tánh: Chú nói tộc là loại, Chu Lễ tứ cung là tộc, Trịnh Huyền gọi là trăm nhà, tộc cũng như tự.



**PHẨM PHƯƠNG TIỆN**

Sỏa: Tự Thông nói người làm việc bất thiện.

Tường: Thẩm, Thuyết Văn nói thẩm là bàn bạc.

Vô ngại: Thuyết Văn nói ngại là dừng, Quảng Nhã nói ngại là cai, Tiểu Nhĩ Nhã nói cai là hạn, Thuyết Văn gọi là đóng bên ngoài.

Tận là nhậm, tốt cùng.

Thập phương sát: Thiết Vận nói Sát-sa-đa-la, nghĩa là điền thổ điền, gọi là quốc thể.

Đạo cũng như

Sở thú: Tức chỗ quay về.

Thậm thâm diệu: Có khi viết là vi diệu cả hai đều không lỗi.

Võng: Nghi dụ như lưới giảng chúng sanh khó thoát.

Do dự: Thuyết Văn nói chó là do. Tánh chó đa nghi, vì dự trước người. Người không quyết định gọi là do dự, hồ nghi. Nhĩ Nhã nói do là con vượn leo cây.

Thử bối: Bối là đảng, Thuyết Văn nói quân pháp phát một trăm hai mươi xe là một bối. Thương Hiệt Thiên nói bối là so sánh.

Tăng thượng mạn: Thuyết Văn nói lừa dối là mạn, khinh thường chậm trễ là mạn. Ngọc Thiên nói mạn là khinh dễ, khinh hời, chậm, không sợ, hoãn.

Mặc: Tĩnh

Chế chỉ: Chẳng phải cũng chẳng phải.

Giai hỷ: Thuyết Văn nói giai là tốt. Quảng Nhã gọi là đẹp.

Duy nhiên: Thuyết Văn gọi là lời hứa, Quảng Nhã gọi là thiên, Lễ Ký nói cha gọi không dạ chồng kêu không dạ. Trịnh Huyền nói duy là lời thưa cung kính, duy là là dạ cung kính.

Ưu đàm-bát-hoa: Ô-đàm-bát-la: Hoa ứng điềm lành.

Tùng chư Phật: Có bản viết tùng Phật cả hai đều đúng.

Đản giáo: Thanh Loại nói đản là đồ, đồ là không.

Trọc là đục.

Cấu: Cấu là dơ dáy.

Xan: Là keo bản, tiếc cái đã được.

Tham: Mơ cái chưa được.

Tật đó: Sở Từ nói khởi tâm ganh ghét, Vương Dật chú Sở Từ nói hại hiền gọi là tật, hại sắc gọi là đó, Thuyết Văn nói vợ ghen chồng.

Hà tỳ: Tỳ là lỗi, Thuyết Văn nói tỳ là bệnh. Ngọc Thiên nói trong ngọc có bệnh, gọi là hà, ngoài ngọc có bệnh gọi là tỳ. Nay nói người

trong pháp có bịnh phiến não như ngọc có vết chằng như bịnh ngoài ngọc.

Táo kang: Tào là bả rượu, kang là tấm gạo.

Tư nhân tiên: Tiên là thiếu, có khi viết là.

Tu-đa-la: Tố-đát-lăm. Chế kinh.

Ưu-ba-đề-xá: Ô-ba-đề-xá, luận nghị..

Căng cao: Thượng Thư nói: Ông luôn phát căng thiên hạ chằng muốn tranh tài với ông. Khổng An Quốc nói chuộng hiền gọi là căng. Lễ Ký nói Khổng Tử không căng mà trang trọng. Trịnh Huyền nói căng tự khoe mình cao lớn.

Xiểm khúc: (đã giải).

Mai côi: Châu hỏa tề, một loại đá đẹp gọi là mai, một loại tròn đẹp là côi. Quách Phác nói mai côi là châu thạch.

Thạch miếu: Là nơi thờ tổ tiên.

Mộc dật: Cây hương, Thiết Vận nói đó là tên cây, cây ấy giống cây quỳ mà thơm, thật lớn đốn năm năm mới dùng. Nếu lấy hương thì phải chuẩn bị chặt thật lâu hương mới ra.

Duyên tích: Thuyết Văn, Ngọc Thiên nói duyên là kim loại xanh. Thượng Thư nói thanh châu cống duyên tích là giữa thiết, bạc chì.

Túc nhạc: Thế Bản nói Hoàng Đế Thế Linh Luân làm nhạc. Thuyết Văn nói đó là tên chung của ngũ thanh bát âm là nhạc,

Kích cổ: Ngọc Thiên nói kích là động, hễ phát ra âm thanh gọi là đánh trống

Xúy giác: Hình cong mà giống như cái sừng.

Tiêu là ống, Ngọc Thiên nói ống nhỏ để thổi.

Địch: là ống bẫy lỗ.

Không hầu tỳ bà nao: Như cái kinh mà lớn hơn, Quảng Nhã gọi là chũm chục, lục lạc, Thuyết Văn Ngọc Thiên nói kinh nhỏ. Theo quân pháp mười trượng cấm chũm chọc. Năm người là một ngũ, năm ngũ là trượng, lưỡng Tỳ-kheo mã cầm địch.

Đồng bạt: Cũng gọi là. nay quan đồng phần nhiều viết hai bộ phiến, cùng vỗ nhaum ra tiếng.

Ca bối: (đã giải).

Lao: Đã giải.

Tế: Che

Thích ca văn: Thích Ca là họ. Thời đầu kiếp chưa có quân trưởng, mọi người tôn người có đạo để làm tư khế cùng lập một vương hiệu. Mạc-ha-tam-mạc-đa nói đại đẳng âm nhạc nghĩa là mọi người đều cùng

lòng vui vẻ lập làm vua. Tức cao tổ của Phật lấy đích tướng, không mất, cùng tán thán năng là vua của mọi người nhân đây mà họ Thích-ca Mâu-ni là tịch mặc. Phật là biệt hiệu nghĩa là năng tịch mặc, sanh tử ác pháp. cũng có thể chứng đắc lý tánh Niết-bàn tịch tịnh. Nên nói Thích-ca Mâu-ni, nay lược nói. Thích-ca-văn Trí Độ Luận nói: Thích-ca Văn-ni tức Mâu-ni.

Nam vô: Chánh Phải nói vô. Hán dịch là kính lễ, hoặc nói kiện đàm, kiện đề, đây gọi là lễ bái. Nói hòa nam đều sai lầm. Có bản nói Nam vô, chứ Phật phải từ hỷ xương Nam vô Phật.

## PHẨM THÍ DỤ

Dụ Ngọc Thiên nói lấy vật tương tự để dụ cho dễ hiểu.

Dững là nhảy nhót.

Dược: Cũng là nhảy.

Bất dự: Dự là vào am. Thiết Vận, Vương Dật cùng viết dư. Cổ Văn Đồng với Nhĩ Nhã là kịp đến. Tả Truyện nói dự trước.

Ngã thường: Nghĩa là từng như thế, có viết nghĩa là hàng như thế.

Mỗi tác: Tự Lâm nói mai, Tam Thương nói từ không nhất định, mỗi là thường thường.

Đẳng cửu: Quảng Nhã nói cửu là lỗi, thể chữ từ bộ nhân, mỗi người mỗi người trái nhau thành lỗi.

Đoạn: Là cắt, tuyệt, đoán là quyết, đều.

Diễn sướng: Quảng Nhã nói sướng là đạt minh.

Hoa túc an hành: Hành hạnh an lạc.

Luân thất: Quảng Nhã nói cùng loại cùng hàng gọi là luân thất, luân là loại, thất là đôi.

Thâm áo: Nhĩ Nhã nói vùng Tây Nam gọi là áo. Quách Phác nói chỗ ẩn náo trong phòng. Thích Danh nói không thấy rõ, chỗ sâu kín trong phòng. Thuyết Văn nói áo là rút cuộc tàng.

Đạo phủ: Tam Thương nói phủ là không thể.

Nhiên Xá-lợi-phất: Ngọc Thiên nói không như vậy, không cho phép, nhiên là ắt, như vậy.

Tụ lạc: Quảng Nhã nói tụ lạc là chỗ ở.

Suy mại: Thuyết Văn nói mại là đi xa Quảng Nhã gọi là trở về.

Đồng: Là độc, Thuyết Văn nói người nam có tội làm nô gọi là đồng, Quảng Nhã nói đồng là nô dịch.

Bộc: Quảng Nhã viết. Quảng Nhã nói bộc là phụ trợ, sai dịch.

Đội là rơi xuống, Quảng Nhã gọi là hoại, Cổ Văn viết Thiết Vận nói là gió bạo. Ngọc Thiên viết là núi thái sụp đổ.

Hủ bại: Hủ là hư mục.

Lương đồng: Nhĩ Nhã nói lương là cây xà đồng là cây đòn đồng chính giữa.

Tất nhiên là bộc khởi: Thiết Vận gọi là bộc khởi.

Phần nhiều: Quảng Nhã nói phần là đốt ruộng.

Hủ tiêu: (đã giải).

Thiết kỹ: Quảng Nhã nói thiết là cận. Cũng gọi là bức thiết cắt.

Y giới: Thuyết Văn tông miếu tần giới y, từ bộ y âm giới. Ngọc Thiên nói y bộ, thời nay người nữ mặc có vật trước.

Ngã đương vị: Ngọc Thiên nói vi là bày ra trợ giúp.

Trần ngoạn: Tự Lâm gọi là đùa, Quảng Nhã gọi là vui chơi. Ngọc Thiên gọi là giỡn cột. Thượng Thư nói đùa với người thì mất đứt, đùa với vật mất chí, Khổng An Quốc lấy người làm trò đùa thì mất đức của mình, lấy vật làm đồ chơi thì mất chí.

Ngoan háo: Ngọc Thiên nói háo là yêu thích, hảo là đẹp, tốt.

Thích kỳ: Tam Thương nói thích là vui, Quảng Nhã nói thích là thiện, nghĩa là sự vật tốt đẹp thích hợp ý người.

Dũng duệ: Quảng Nhã nói duệ là bén.

Thôi bài: Thương Hiệt Thiên nói thôi là đẩy tiến tới.

Tứ cú: (đã giải)

Thùy chư hoa: Theo âm

Uyển diên: Theo các sách uyển diên là cái mũ đội ở trên. Ngọc Thiên nói trước sau mũ rủ xuống mà không thể trải trên xe. Nay theo lẽ phải viết chữ uyển là xinh đẹp, diên là nệm chiếu, loại nệm bông.

Đan chằm: Có người giải thích chằm là ham đắm tiên đan có thể trường thọ, ở đây không như vậy, theo Thiên Trúc không có gổ cây, cũng lấy da đỏ vãi thô làm gổ, lấy la miên và loại bông dòn làm gổ và thêu màu đỏ, tức đồng với các kinh, gổ màu đỏ, tai đầu tựa vào gổ ất đỏ như chu.

Chu hảo: Tự Lâm nói chu là hảo vào khoảng triều Triệu Ngụy Yến cho rằng hảo là chu, Thi nói tịnh nữ kỳ chu, Ngọc Thiên và Truyện đều nói sắc đẹp là chu có người viết là trang.

Ấu đồng: Ấu là nhỏ, đồng là đồng tử.

Bất quý: Đồng nghĩa với Lễ Ký nói của cải không thiếu. Trịnh Huyền nói quý là thiếu. Thi nói: Thiếu không cận. Truyện nói quý là

cạn kiệt.

Đắc miễn: Miễn là giải, thoát ra, đi, dừng.

Phương tiện miễn: Khích lệ, dẫn dắt.

Bảo nhậm: Giữ vững niềm tin.

Tồi là bề ngã.

Phỉ: Thuyết Văn gọi là hủy.

Sách: Thuyết Văn gọi là xé rách. Quảng Nhã và Ngọc Thiên gọi là phân.

Vĩ: Núi lở, Phương Ngôn gọi là hoại. Ngọc Thiên gọi là hủy hoại, rơi rớt.

Phú thêm: Cỏ thêm, Nhĩ Nhã gọi là lấy cỏ thêm bện lại lợp nhà.

Duyên lữ: Phương Ngôn gọi là xây xà nhà, Quách Phác nói là mái nhà. Thuyết Văn nói lữ là cái xà vuông.

Sai thoát:

Chu chương: Thuyết Văn nói chương là ưng tắc, Ngọc Thiên gọi là chương chương. Thuyết Văn gọi là cách trở. Thông Tục Văn gọi là phiên cách là chương phiên.

Si hữu: Phạm văn gọi là A-lợi-da Hán dịch là cú tai mèo.

Điều thứu: Chu mục Thiên Tử truyền viên có bạch điều, cứt xanh, bắt chó, dê, ăn heo, hưu, Quách Phác nói nay chim cẩu cũng ăn thịt hưu. Thứu theo tiếng phạm là kiết Mễ-đà-la, hoặc nói yết là xà Sơn Hải Kinh cảnh sơn rất nhiều chim thứu. Thuyết Văn nói chim thứu màu đen, nhiều con sứt khoát. Nam phương có chim tên là sai thứu, đầu vàng mỏ đỏ, năm màu đầy đủ. Tây Vực ký nói sắc xanh vàng mắt đỏ.

Ngươn: Tự Lâm nói ngươn, Thiết Vận gọi là nguyên, cổ văn viết Ngọc Thiên gọi là thuốc rắn, vinh nguyên, tích dịch yển đình, thủ cung là bốn loại khác nhau, tôi chước chú: Vinh nguyên một gọi là con sam, dài ba thước màu đen cáng khéo mê hoặc người một gọi là truyền nguyên. Hán Thư nói Nguyên Vệ Chiếu nói Hắc Nguyên Tích dịch. Ở trong nhà gọi là con thần lẩn. Lấy máu bôi vào tay người nữ, người nữ có lỗi rửa không sạch. Nhân đó đặt tên là thủ cung. Trong cổ đá gọi là con trích lịch, trong sông suối gọi là yển diên, gọi chung là xà. Vinh nguyên chuẩn theo di giáo có viết sai. Thí như con hắc nguyên ngủ trong nhà ông, phải nói hắc thành chỉ vì cùng loại mà bèn viết sai, hoặc nói có hai loại.

Một là thủ công, hai là hắc đoản xà. Di giáo không nhầm, cho nên kia nói rắn ngủ đã ra thì có thể ngủ yên là rắn đen ngắn khác rắn

khác chẳng phải thủ cung, không như vậy kinh này trở xuống thủ công trên thúc nói tục thư giải khác với kinh, từng thấy nam tăng nói rắn cắn người chỉ hái cỏ được vương mới trị được, nếu không thì sẽ chết.

Phúc: Nhĩ Nhã nói phúc là con rắn hổ mang to ba tấc đầu lớn như nắm tay. Tôn Viêm Giang Hoài trở về Nam gọi hủ là con phúc có răng rất độc. Âm Nghĩa nói rắn hổ mang trên mũi có kim.

Ngô công: Tụ Lâm gọi là con bộ ngựa, có thể chế rắn rộng lớn, chân đỏ dài hơn thước.

Do diên: Giang Nam gọi là con bộ ngựa.

Thủ cung: loài này ở trong nhà vùng Giang Nam cũng gọi là yển diên...

Dứu: Dứu là tên gọi ở Giang Đông, còn dứ là tên ở Kiến Bình. Sơn Hải Kinh rất nhiều, Quách Phác nói giống như con khỉ vượn mà lớn màu xanh đen, đuôi dài bốn thước rưỡi giống đuôi rái cá, đầu có hai cạnh, trời mưa thì nó lộn lên cây lấy đuôi che mũi. Giang Đông nuôi nó để bắt chuột là con vật mạnh khỏe.

Ly: Thuyết Văn gọi là con vật nằm sát.

Hề thử: Thuyết Văn gọi là con chuột nhỏ (chuột nhắt) Nhĩ Nhã gọi là hề thử, Quách Phác, Ngọc Thiên gọi là con rết độc cắn người và chim thú. Tuy cuối cùng cũng bắt giặc thấy đao nay gọi là chuột miệng ngọt.

Xú xứ: Mùi hôi, xứ là ở dừng nghĩa là mùi hôi đọng lại chỗ ở

Hồ lang dã can: Ngọc Thiên gọi là yêu quái, quỷ vương vào đó có ba đực, sắc nó tung hòa, trước nhỏ sau to chết ở trên gò. Phạm nói Tát-già-la Hán dịch là dã can. Màu xanh vàng, như chó đi từng bầy ban đêm hú tiếng như sói vang rất xa. Tư Mã Bưu, Quách Phác chú đều nói bắn dã can đều nung vào cây mà bắn. Âm Dạ Quảng Chí nói hang nó trên vách cheo leo, cây cao, Thiên Kinh nói thấy một con dã hồ rồi gặp một con dã can. Vì thế hai loại ắt khác nhau..

Tự trước: Tụ Lâm viết chữ tự bộ xỉ. Thương Hiệt Thiên viết bộ khẩu. Tụ Lâm nói tự khiết là ăn nuốt, Thiết Vận gọi là cắn, nhấm.

Tề khiết: Nghĩa là không có răng nhai. Vận Thiết nói nếm đến răng phải phải nhấm. Tề càn gọi là tiết, âm khiết là cắn đứt gân cốt. Không biết chữ tề xuất phát từ đâu. Có bản viết chữ lai cũng viết chữ.

Bác toát: Quảng Nhã đánh, vỗ, toát, Tụ Lâm, Thiết Vận gọi là lấy bằng tay, Quảng Nhã gọi là cầm, Thích Danh gọi toát là dúm lại. Nghĩa là túm lại lấy.

Tra chế: Thích Danh nói tra là xoa. Ngọc Thiên nói là năm ngón

tay áp lại xoa. Ngọc Thiên nói năm ngón dùm lại vỗ, ôm, Thiết Vận nói tra giống như lễ mà chua.

Nhai sài: Ngọc Thiên nói chó cắn nhau. Tỳ Thương gọi là chó đấu nhau, Thuyết Văn, Ngọc Thiên viết. nghĩa là mở miệng ra thì thấy răng. Thiết Vận nói nhai là răng không thẳng hàng gọi là trở.

Hào phệ: Văn Cổ viết Thuyết Văn, Ngọc Thiên nói tiếng chó gầm sủa. Thiết Vận gọi là tiếng của heo, gấu, cạp.

Ly my: Thuyết Văn gọi chữ ly bộ các sách của Tam Thương viết bộ trùng. Ngọc Thiên, Thiết Vận viết chữ bộ quỷ. Ngọc Thiên, Thuyết Văn nói my là con tinh già. Thông Tục Văn gọi là yêu quái ở sông núi gọi là ly my. Pháp Hoa gọi là yêu my.

Võng lượng: (đã giải).

Phu nữ: Quảng Nhã, Ngọc Thiên nói phu là sanh. Phương Ngôn gọi là gã ấp. Thiết Vận nói nữ. Thương Hiệt Thiên nói nữ là vu, Ngọc Thiên gọi là sanh. Chim nuôi con gọi là phu, thú nuôi con gọi là nữ.

Sản sanh: Ngọc Thiên nói sản là sinh. Tạo, tiến. Vì vật tạo ra nên nói sanh sản là sanh.

Cưu bàn trá: Loài đáng sợ.

Tôn cứ: Giống như ngồi xổm, cứ là tựa. Tự Lâm nói ngồi thõng chân xuống.

Thổ lỏa: Thiết Vận gọi là đồng đất nhỏ.

Phác kinh: Phác là đánh Ngọc Thiên gọi là vỗ. Chẳng phải nghĩa này. Còn có âm bốc là tranh đảo.

Lỏa: Thân đỏ.

Khuy khán: Tự Lâm gọi là dòm.

Chúc vu: Chúc là phó, do, còn gọi là thuộc là nhiếp, quán.

Bộc thanh: lửa cháy rực rỡ. Thuyết Văn nói bộc là đốt. Nghĩa là da nứt ra.

Chu chương: Chương là sợ. Trạng thái lo sợ bất an.

Hoàng bố: Sợ hãi.

Tàng thoán: Thoán là trốn. Ngọc Thiên nói tàng là che.

Tỳ-xá-xà: Tỳ-xá-già: Truyện nói giống như quỷ đồng qua.

Thực hám: Hám là ăn.

Bồng bột: Bồng là rối bong như cỏ bông. Bột là thanh, bông bột là vẻ phồn thịnh.

Chu chương: Sở Từ nói kiêu phiêu tường hề chu chương. Vương Dật nói chu là lưu. Chu chương là qua lại.

Chúng nạn:

Trạch chủ: Ngọc Thiên nói chủ là thâm điển lĩnh. Vì Thiên Tử cưới con gái của chư hầu cùng họ. Nghĩa là công chúa lại thủ.

Tiên nhân: Nay từ đầu cũng là tiên.

Trĩ: là nhỏ, yếu.

Các dụ: Luận Ngữ nói quân tử dụ cho nghĩa, tiểu nhân dụ cho lợi. Khổng An Quốc nói dụ để hiểu. Thương Hiệt Thiên nói dụ là sách dụ. Thuyết Văn viết.

Man diên: Tây kinh phú nói hình nó bò tràn trên. Quảng Nhã nói mạn dài diên là biển.

Thử khổ nạn xứ: Thi nói chẳng phải chỗ ở của ta. Truyện nói xứ là ở. Lễ Ký nói cố sao xử ta. Trịnh Huyền nói xử là an. Nghĩa là chỗ khó thể yên

Đam miến: Đam là yêu thích, có khi viết chữ là đấm trước. Cổ Văn viết

Thuyết Văn cũng gọi là lạc, miến. Thuyết Văn gọi là ham rượu.

Trương thí:

Chư anh: Anh lạc trên anh.

Tăng khoáng: Thuyết Văn,

Thiết Vận nói tăng là lựa, khoáng là tở, Tiểu Nhĩ Nhã nói dật là tăng, chung cả năm màu đều gọi là tăng.

Điệp: Thiết Vận nói vải lông mịn, nay không như vậy chỉ có hoa điệp dật làm vải.

Tân từng: Tân là cùng nhau, tuân theo.

Nhữ đẳng lụy: Lũy là tích chứa.

A-bê-bạt-trí: Là bất thối (đã giải)

Thượng ư: Ngõ hầu mà còn.

Tần xúc: Tần là luôn luôn, xúc là dấm lên.

Súc sanh: Là lục xúc nuôi dưỡng,

Khột viêm: Tam Thương nói: Đầu trọc không có tóc bộ hiệt âm khát.

Lê đảm: Phương Ngôn nói sắc mặt giống như đồng lê. Thiết Vận nói lê là vằn, có khi viết chữ lê bộ hắc, vàng đen. Thông Tục Văn nói vằn đen gọi là lê. Ngọc Thiên gọi là già. Đạm là đen sạm.

Xúc nhiễu: Nhiễu loạn (đã giải).

Ố tặc: Ố là chán ghét, Thi nói ố là vô lễ.

Lạc đà: Sơn Hải kinh nói trá. Quách Phác nói một ngày đi ba trăm dặm. Gánh ba ngàn cân, có thể biết chỗ xuất phát mạch nước của nguồn suối khác nhau.



Mãng: Nhĩ Nhã nói mãng là rắn hổ mang, Thương Hiệt Thiên gọi là loại lớn nhất trong loài rắn, nên gọi là vương.

Lung ngại: Thương Hiệt Thiên nói ngại là vô tri. Phương Ngôn gọi là si đại.

Uyển chuyển: Theo con rắn không có chân có thể bò lượn mà lướt tới nên kinh tự nói bò lượn uốn quanh.

Táp: Tự Lâm gọi là huyết. Côn trùng ăn gọi là tấp.

Tòa lậu: Quảng Nhã, Thiết Vận nói tòa là lụn, Thông Tục Văn nói chu nho là tòa. Thuyết Văn gọi là tiểu thủng. Chẳng phải nghĩa này lậu là xấu.

Luyến tích: Tay ôm bệnh. Tích là gót chân.

Bối ử: Ử là công lưng, (gù). Thiết Vận nói lưng cong không thẳng Xuân Thu Đảnh Minh nói: Một bảo mà cong, bảo nữa khom xuống, ba lần bảo thì cúi. Đỗ Dự nói phủ là cung kính khom thân cúi mình càng thêm cung kính.

Sử sử:

Tiêu viêm: Thuyết Văn nói tiêu là tận, tiêu sạch, cũng gọi là bệnh thoát.

Y hổ: Quảng Nhã gọi là nươg tựa trông chờ.

Thân phụ: Phụ là gần.

Y: Thuyết Văn gọi là công cụ trị bệnh đặc tánh của y là từ rượu chế làm thuốc, nên chữ y xuất phát từ bộ tửu.

Liệu: Tam Thương nói liệu là trị bệnh.

Sao: Phải viết hoặc cưỡng lấy vật.

Thiết: Dòm lén.

Hoành là Hoạnh là đến một cách phi lý.

Âm á: Không nói được gọi là á. Tỳ Thương nói á cũng như âm. Có khi viết là tối. Có khi viết là tiếng cười.

tư: Bệnh ung thư.

Thanh khiết: Trong sạch.

## PHẨM TÍN GIẢI

Háo nhạo: Háo là thích, nhạo là muốn.

Khánh hạnh: Nhĩ Nhã nói chẳng phải phần mà được gọi là hạnh, hạnh là gặp, cũng là mong chờ.

Đào thệ: Nhĩ Nhã nói thệ là qua đi. Quảng Nhã nói thệ là ra đi.

Trà sinh: Quảng Nhã nói trà là chạy sinh là đi.

Hổ phách: Quảng Nhã nói tên loại châu ngọc cũng có khi viết. Nước Kế Tân có hổ phách báu vật chí, mỏ từng rơi vào đất nghìn năm hóa thành phù linh. Phù linh nghìn năm hóa thành hổ phách. Một gọi là hồng châu, Quảng Chí nói hổ phách sanh ra từ lòng đất, trên và bên cạnh nó không mọc các cỏ cây. Sâu thì tám, chín thước, lớn như cái đấu, lột da ra thành hổ phách có lá. Ban đầu như lá đào mỏ đông cứng thì hóa thành hổ phách, người phương Tây dùng nó làm chén

Thần tả sử dân: Thuyết Văn nói đó là đàn đen.

Thương cổ giá: Thuyết Văn nói đi buôn bán. Ngọc Thiên nói những thứ trân dị ở Tây phương đem bán. Có khi viết thương là thương lượng.

Thản: Là bằng phẳng. Thuyết Văn gọi là an.

Dung nhẫn: Tế ung khuyến học chú dung là làm thuê. Trang Tử nói dung là người tầm thường. Mạnh Tử nói dung là sức lao dịch. Nhẫn cũng như dung.

Sái: Thông Tục Văn nói lấy nước phẩy ngăn bụi. Ngọc Thiên nói là tiến là tan ra. Thiết Vận nói sái là quét.

Xuất nói: Xuất là ra. Thi nói nói ra có văn chương.

Tứ lợi: Tứ Quảng Nhã gọi là duỗi ra phơi bày.

Cưỡng sử: Cưỡng là đề, cứng. Thương Hiệt Thiên gọi là khỏe mạnh.

Kinh ngạc:

Du cấp: Nhĩ Nhã nói vượt qua cái này càng nhiều hơn. Có khi viết là sai. Có khi viết là vội. Thiết Vận gọi là vượt qua, là như vậy.

Tịch địa: Tịch là an ủi.

Tĩnh ngộ: Tự Lâm nói tĩnh là hết say.

Hào mậu: Hoài Nam Tử nói trí vượt một trăm người gọi là hào. Cổ văn gọi là thế, thế là mạnh.

Sở nạn: Nạn là hoạn, bệnh...

Tiêu tụy: Tam Thương, Thiết Vận đều viết, Quảng Nhã, Ngọc Thiên viết là sầu buồn, Nhĩ Nhã gọi là bệnh ốm.

Quái dị: Quái là kỳ dị, kinh quái, phạm vật gì kỳ dị phi thường đều gọi là quái.

Dao: Ngọc Thiên gọi là đao, hươg.

Luy: Là yếu.

Trần phân: Bụi đất, Thiết Vận nói trần là dơ uế.

Ô uế: Là dơ bẩn.

Đốt: Thuyết Văn gọi là bảo nhau. Tự Thư gọi đoát là la. Nay ng-

hĩa là kêu gọi quở. Nay lấy nghĩa.

Doanh ích: Mãn.

Vô hy: Hi là phải.

Tự bí: Quảng Nhã nói xấu hổ thẹn thùng.

U mỗ: Thượng Thư Nhĩ Nguyên nói tôn mỗ, Khổng An Quốc nói mỗ là tên, Thần Vệ Quân nói mỗ danh, phàm không biết tên gọi là mỗ.

Linh sinh: Tam Thương nói linh sinh giống như liêu phiên, cũng có nghĩa là cô độc.

Quyên trừ: Phương Ngôn nói vũng Nam Sở người bớt bệnh gọi là quyên, Quách Phác nói quyên là trừ.

Lận tích: Thiết Vận nói bĩ là lận. Tích cũng như lận, (keo tiếc).

Hoại tử: Thuyết Văn nói tử là trách. Lễ nói người trách chẳng biết lẽ. Trịnh Huyền nói miện hư gọi là tử.

Tự ngu: Ngu là vui.

Cầu sách: Sách là tìm cầu.

Túc dạ: Nhĩ Nhã nói túc là sáng sớm.

Chú ký: Quảng Nhã gọi là chú sờ biết. Tự Lâm gọi là chú giải, Thông Tục Văn nói ghi chép vật gọi là chú. Thiết Vận nói

Khâu cùng nghĩa với

Sát:

Diêu mục: Thuyết Văn nói diêu là một mắt nhỏ. Thuyết Văn gọi là mắt nháy, Thuyết Văn gọi là nhỏ, Thiết Vận gọi là nhìn lên.

Tiên tịch: Tiên là chiếu cỏ, đó là lột xuống để trải chiếu xuống cho nó ấm.

Thảo am: Quảng Nhã nói am đồ tiên xá Khảo Thanh gọi là nhà tranh, che lấy cỏ che xung quanh, có khi viết bộ thảo là tên thảo dược, thuộc họ lan tử.

Hà phụ: Thiết Vận, Vận Anh nói hà là gánh vác yết.

## PHẨM DƯỢC THẢO DỤ

Thành như: Quảng Nhã nói thành là cung kính. Thuyết Văn gọi là thành tín, chắc thật.

Khê cốc: Nhĩ Nhã nói nước rút xuống suối gọi là Khê.

Hủy mộc: Tên loài cỏ Phương Ngôn nói hủy là đông, giữa vùng Đông Việt, Ngô Dương gọi cả là hủy.

Tùng lâm: Khảo Thanh nói nhiều cây mọc một lùm gọi là tùng,

Hán Thư Đông Phương Sóc Truyện viết là sai. Thuyết Văn gọi là tụ.

Đẳng chú: Tam Thương nói chú là mưa mùa, muôn vật thấm nhuần. Thuyết Văn nói thời xưa trời mưa là thấm ướt hết muôn cây cối.

Phổ hợp: Thương Hiệt Thiên gọi là thích tán, Thuyết Văn gọi là thấm nhuần.

Ái đái: Tỳ Thương, Thiết Vận giống Quảng Nhã nói ái đái là mây mù mịn. Thông Tục Văn nói mây che mặt trời gọi là ái đái.

Thừa lãm: Lãm là lấy bằng tay. Thuyết Văn nói lãm là cầm nắm.

U thúy: Thuyết Văn gọi là sâu xa.

Bách cốc: (đã giải).

Miêu giá: Thuyết Văn gọi là lúa cỏ xanh ở ruộng. Thương Hiệt Thiên nói lúa còn ở dạng mầm. Luận Ngữ nói mầm mà không mọc gọi là giá. Thuyết Văn nói hạt mầm lúa gọi là giá.

Cam giá: Các sách có viết loại mía đường.

Bồ đào: Bác Vật Chí nói mở tung ra. Tây vực còn được an thạch, bồ đào, bồ đào. Quảng Nhã nói bồ đào có ba loại, đen, trắng, đỏ đều được.

Khô cảo:

Nhất đích: Thông Tục Văn nói linh đích gọi là lệ.

## PHẨM THỌ KÝ

Ngõa lịch: Thuyết Văn, Ngọc Thiên gọi là loại đá nhỏ, Thiết Vận gọi là cát.

Khanh khảm: Ngọc Thiên gọi là hư không, Thuyết Văn gọi là rơi xuống.

Đôi phụ: Đã giải.

Khâu khanh: Thuyết Văn nói u đất cao gọi là khâu (gò) chẳng phải do người làm mà tự nhiên đất bốn nơi dồn cao lên ở giữa. Ngọc Thiên nói đất cao gọi là khâu.

Số tri: Đếm, tính.

Lật: Lật là run, Ngọc Thiên gọi là kính cẩn, sợ.

Mạt: Nếu xoa chà bằng tay thì viết bôi đồ trang sức thì viết. Nay chỉ có nghĩa bôi hương phải viết Ngọc Thiên nói vạc là lúa gạo.

Diêm phù đề kim: Tên cây cỏ thêm bộ ở bên bờ ao không nóng, có loại cây ở gần bờ phía bắc châu này, dưới nước màu đỏ tía vàng ánh

che mặt trời mặt trăng nên gọi như vậy.

Đa-ma-la-bạt chiên đàn hương: Tánh vô cấu hiền chiên đàn hương Phật.

Trưởng biểu kim sắt: Phạm nói: Xá-ma-xa-na Hán dịch là phần thoán. Tây Vực nói gom xương cốt cầm thú đốt có khi chôn dưới đất ở trên đê nêu. Chất gạch đá, giống như cái tháp, nhưng hình thấp nhỏ. Nay trưởng biểu này là kim sắt. Phạm nói chế đa la, xứ kia không có cơ xương riêng tức ở nơi tháp đốt trụ trên đầu treo cờ. Nay nói là sắt, từ duy trại khác, nhưng lấy vùng làm tượng trưng nên nói là kim sắt.

### PHẨM HÓA THÀNH DỤ

Ma chỉ: Ma là mài.

Tận mặt: Lấy tay xoa chà gọi là mặt.

Thiên kỹ: Kỹ là tài nghệ, nhạc nữ gọi là có khi viết chẳng phải nghĩa kinh.

Thế khắp: Mao Thi nói thế, là nước mắt ràn rụa. Truyện nói mắt rơi lệ gọi là thế, Thuyết Văn nói khóc không có tiếng gọi là khắp..

Điềm đạm: Thuyết Văn nói điềm là an, tĩnh, nghĩa là điềm nhiên an lạc. Quảng Nhã nói điềm đạm là an tĩnh.

Manh minh: Manh là tối, Ngọc Thiên gọi là ban đêm, minh là che mắt người khiến cho không thấy gì.

An ổn vô lậu pháp: Có khi viết đạo phải theo pháp không chỉ có đạo.

Tam giới ngục miễn xuất: Thiết Vận nói miễn là dẫn. Đồng nghĩa với có khi viết Quốc Ngữ nói cha khuyến khích con, anh khích lệ em.

Quần manh: Manh là mầm. Quảng Nhã gọi là bắt đầu, manh là mê muội từ chữ viết ý nói mọi người không biết. Hán Thư nói manh là dân đen.

Phủng tụng (đã giải).

A-súc: Tiếng Phạm, Đường gọi là vô động.

A-di-đà: Tiếng Phạm, A-nhĩ-đa-na-canh-sa. Hán dịch là vô lượng thọ.

Khoáng tuyệt: Ngọc Thiên nói là trống đại, cữu, viễn.

Ức cai: Tên con số. Phong Tục Thông nói mười nghìn gọi là vạn, mười vạn là ức, mười ức là triệu, mười triệu là kinh, mười kinh là cai, tức số lớn.

Doanh tưng: Thương Hiệt Thiên nói danh là vệ cũng gọi là bộ

ngũ.

Thành quách: (đã giải).

### PHẨM NGŨ BÁ ĐỆ TỬ THỌ KÝ

Ngọc Thiên nói thọ là dung nạp, thanh, đặc. Kế thừa, Thuyết Văn gọi là trao cho.

Nhiều ích: Ngọc Thiên nói nhiều là nhiều. Phong phú, dư.

Khê giả: Tên con sông.

Câu hác: Thuyết Văn nói câu là nước đọng, sông sâu bốn thước gọi là câu hác. Chỗ nước chảy sâu thành hác, Ngọc Thiên nói hác là hạnh, sâu, trống.

Đài quán: Nhĩ Nhã nói bốn bên cát cao lên gọi là đài, quán là khuyết. Tôn Viêm nói hai cửa cung gọi là quán. Thích Danh nói quán người đứng trên đó nhìn trông.

Ca-lưu-đa-di-ưu-đà-chi: Ô-đà-di Hán dịch là lúc mặt trời mọc thì ngài sanh ra.

Chu-đà-sa-già-đà: Ta-bà-kiệt-đa, Hán dịch là thiện lai.

Thân hữu: Thuyết Văn nói bạn đồng chí gọi là bạn. Quảng Nhã nói bạn là thân, Lễ Ký nói liêu bạn gọi là đệ mình chấp bạn gọi là đồng quan, chấp bạn là đồng chí.

Gian nan: Thuyết Văn nói đất khó sửa, gian. Thích Danh gọi là căn, như gốc mầm của vật, điều kỵ sợ của con người

Mậu dịch: Tam Thương nói mậu là trao đổi, vật.

### PHẨM THỌ HỌC VÔ HỌC NHÂN KÝ

Đạp thất: Thuyết Văn nói đạp là dẫm lên bước đi, Thích Danh gọi là đạo.

### PHẨM PHÁP SƯ

Hào soạn: Thuyết Văn gọi là thức ăn, ăn uống, Ngọc Thiên gọi là ăn cơm.

Xuyên trạc: Trạc là đục, Ngọc Thiên gọi là đục gỗ.

Như Lai thất: Thuyết Văn nói thất là thật, ngoài nhà là đường trong nhà là thất. Luận Ngữ gọi là do, thẳng đường chưa vào thất.

Cú đậu: Tự Thư nói đậu là lưu, Thuyết Văn nói đậu là dừng, Phương Ngôn nói đậu là trụ.

Can táo: Táo là khô, Dịch nói lửa nóng.

Tịch mặc: Khảo Thanh nói tịch mặc là không có tiếng động. Dịch nói trong nhà không có người cũng vắng bật tiếng người kinh từ chữ viết chữ tịch bộ viết chữ là sa mặc.

Quái ngại: Tự Thư nói vông ngại, Thuyết Văn nói ngại là dừng.

## PHẨM KIẾN BẢO THÁP

Khám thất: Quảng Nhã nói khám là đựng lấy. Thượng Thư Đại Truyện gọi khám là khắc. Khám thất như nay thuộc loại rương hàm. Tháp lớn bốn mặt đặt một khám nhỏ như cái thất. Nói khám thất ở trong thất nhỏ này có nhiều loại.

Võng màng: Ở một bên là duy, ở trên gọi là màn. Nếu viết chữ vẫn là trên màn dùng đồ báu trang trí cho đẹp gọi là măng lưới báu.

Bảo giao lộ mạng: Màng để rủ xuống chỗ hở dùng trân bảo kết lại làm màn chỗ kín hoặc hở đều lấy bảo báu trang sức.

Lâm tẩu: Nhiều cây gọi là rừng, trong ao không có nước gọi là tẩu.

Các tề: Đem của cải cho người

Mãn cúc: Hai tay nâng lấy vật ở trong tay.

Quan dục: Phương Ngôn nói Quan Đông gọi là kiện. Quan Tây gọi là dục. Cổ văn có khi viết chữ dục bộ kim, có khi viết bộ trúc. Đó là loại nhạc cụ, chẳng phải nghĩa kinh.

Vô ương: (đã giải).

Tại tại sở vãng: Tại tại là chỗ ở. Sở vãng là chốn đi đến..

Viễn trịch: Trịch là ném, quăng.

Thủ bả:

## PHẨM ĐỀ-BÀ-ĐẠT-ĐA

- Đường gọi là thiên thọ.

Quyên xá: Thuyết Văn nói quên là bỏ, Nhĩ Nhã gọi là phế bỏ. Quách Phác nói phóng bỏ là xá.

Ủy chánh: Quốc Ngữ nói bỏ chánh chẳng nhậm. Giả chú nói: Chánh giống như chức, Tả Truyện nói làm chánh sự sức tầm thường, Đỗ Dự nói: Ở địa vị vua làm chánh, địa vị quan làm sự. Luận ngữ nói chỉ đạo là chánh. Khổng An Quốc nói chánh là pháp giáo.

Chúy chung: Thuyết Văn nói chúy là đánh Thuyết Văn có chữ

thông dụng nhưng chẳng đúng.

A-tư-tiên: A-tư-đa, Đường dịch là vô tử cũng gọi là đoan chánh.

Quả lã: Ngọc Thiên nói quả là thuộc loại đào lý. Lã thuộc loại dưa trái của cây là quả, trái của loại rau dưa là lã. Trên cây là quả, trên đất là lã.

Nhãn vãng: Chu Lễ nói nhãn là một trong sáu đức. Trinh chú nói yêu thương người và vật gọi là nhãn. Trên dưới thân nhau là nhãn, mật pháp nói quý hiền gần người thân là nhãn, quên mình để được cho người là nhãn. Thích Danh nói nhãn là nhãn. Hiếu sanh ghét giết, thiện ác nhãn là nhãn. Nói làm như nhau là nhãn.

Khai xiển: Quảng Nhã nói xiển là mở ra.

Phá hữu:

Sát ma: Thời gian cực nhỏ (đã giải).

## PHẨM KHUYẾN TRÌ

Tệ ác: Tệ là khốn, tế là khinh bạc dễ giận tính nóng nảy.

Kiều đàm di: Chánh âm là Kiêu-đáp-di. Âm cổ là Kiêu-đàm-di, hay Cù-đàm, đều đọc nhầm chánh gọi là Kiêu-đáp-ma. Thích-ca là họ, Cù-đàm là vọng đế Vương Thích-ca, nhiều đời nối nhau, trong nghịch tặc soán chiếm vương vị, vua sợ đoạt xã tắc bèn giết chủng tộc Thích-ca, tàn sát người thân để không còn ai nối dõi, bấy giờ có tiên nhân đi tìm quý tộc thấy có người mang thai, sau khi sanh con trai mới đoán biết có người nối dõi, người mẹ sau lời cầu thỉnh quả nhiên sanh được con trai cùng tiên nhân sống đến già, Thích-ca còn biện lại, tặc vương sợ, tìm đến chỗ ở hỏi thăm mới biết được bèn vào núi lúc không có tiên cha ở nhà, lén bắt đứa con, bảo người dân trong nước không cho tiên nhân biết. Tiên cha trở về thất không thấy con mình vội vàng hỏi thăm tìm kiếm. Bấy giờ bèn thần thông cứu, nhưng biết không được bèn đổ cơn mưa nhỏ để ông tỉnh ngộ nên hóa làm một thiếu nữ muốn đến giao hội. Nếu không theo dòng họ nặng thì sẽ không có con. Người cha hối lỗi bèn cùng thông giao, di thể chảy ra chất dơ trên đất, tiên nhân lấy túi phân bò đặt vào vườn cam giá. Ngày sưỡi ấm và cho đến đủ mười tháng biến thành cậu bé, dung nghi tuấn tú, tinh thần tuyệt diệu. Tiên nhân đem về nuôi rồi được làm vua. Từ đó dòng Thích-ca lại có người nối dõi, cho nên Cù-đàm Hán dịch là cam giá chủng, Thích-ca năng tánh, chủng loại rất nhiều nhưng Cù-đàm Thích-ca là dòng tộc tôn quý nhất, cháu đích tôn kế thừa luôn giữ ngôi vị tôn quý. Nếu hủy hoại thì gọi là



ngưu phẩm chủng nê thổ chủng.

Cho nên nói: Nhĩ cù đàm tánh, ma là tiếng Nam, họ của Phật vọng thủy gọi là Kiều-đáp-ma, Di là người nữ vì gọi di mẫu của Phật nên gọi là Kiều-đáp-di.

Mạ lệ: Thương Hiệt Thiên nói mạ cũng như lệ, nay hiểu lời nói ác là mạ phỉ báng nguyên rửa gọi là vị.

A-luyện nhã: Chỗ thanh vắng, cách thôn một cây liễu xá, hơn bốn dặm.

Phỉ báng: Trù rửa, Quảng Nhã gọi là ác. Quốc Ngữ Tả Sử nói chê bai, Giả Quỷ gọi là nói lời ác với người.

Khải là áo giáp.

Kiến tấn:

## PHẨM AN LẠC HẠNH

Tốt bạo: Chính là viết chữ là mất con.

Ni-kiền-tử: Na-bàn-đà Phật đa-la Hán dịch là ly phược thân tử.

Văn bát: Văn thuộc loại thơ ca, bút thuộc dòng phú minh.

Kinh thư: Chu Lễ nói lục nghệ, lục thư là hình tượng hội ý, chuyển chú, chỉ sự, hình thanh, giả tá. Thư là sáng tác, theo loại tượng hình nghĩa là sau lời Văn hình thanh bổ ích cho nhau.

Lạc-già-da-đà: Trước dịch là người đối đáp lời ác.

Nghịch-lộ-dà-da-đà: Tiên dịch là ác trưng vấn. Chính phạm âm là lộ ca. để ca là thuận thế ngoại đạo chấp pháp thuận thế ngoại đạo đã thuyết. Sau chánh phạm là phược Ma-lô-ca. Để-ca-là-tả- thuận ngoại đạo chấp cái trái ở trước và thuyết không thuận thế gian gọi là tả thuận thế ngoại đạo.

Hung ký: Hung là ác, sợ hãi. Ban đầu có chữ là biểu tượng của sự đắc thất, lỗi ác.

Tương xoa: Cử thêm người, Thiết Vận nói cử thêm người cũng gọi là

Tương phác:

Na-la: Xăm vào thân.

Biến thiện chi hý: Làm huyễn thuật.

Chiên-đà-la: (đã giải).

Điền lap: Điền là bắt cầm thú, có khi viết Bạch Hồ Thông nói điền là trừ hại, nên nói là điền lap.

Ngư bổ: Ngọc Thiên nói ngư là bắt cá có khi viết Thuyết Văn

cũng gọi là bắt cá.

Sa-di: Cầm sách.

Đồ nhi: Thuyết Văn nói đồ là cắt xẻ thịt súc sanh.

Khôi hội: (đã giải).

Huyền mại: Thuyết Văn nói huyền là đi buôn bán.

Bình xứ: Lễ Ký nói ở bên cạnh hầu hạ. Trịnh Huyền gọi là ản, Thi nói sự tộ lậu của vạn bang, Thiết Vận nếu nói trốn tánh thì viết

Nhập ký: Chu Lễ nói năm nhà là một xóm, năm xóm thành một lý, hai mươi lăm gia lý là cư. Thích Danh nói năm xóm là lý.

Khiếp: Ngọc Thiên nói khiếp là sợ, rất sợ.

Oán hiêm: Oan ức bởi những điều oan trái gọi là làm cỏ tự rạp hiêm là tâm bất bình.

Táo dục: Thuyết Văn nói táo là tắm.

Tâm tịnh: Có khi viết tâm là nhiễm. Chánh Pháp Hoa nói mặc áo sạch sẽ, ở đoạn dưới lại nói trong ngoài đều sạch sẽ, nên phải từ chữ tâm tịnh.

Tà nguy:

Khinh miệt: Thuyết Văn gọi là khinh thường nhau.

Thảo phạt: Hán Thư Âm Nghĩa nói thảo là trừ. Lễ Ký nói kẻ phản vua là thảo. Trịnh Huyền nói thảo là tru di, Thiết Vận gọi là chính, Tả Truyện nói có chuông trống gọi là phạt.

Duy kế.

## PHẨM TÙNG ĐỊA DŨNG XUẤT

Ngọc Thiên nói dũng là vọt lên như nước bắn tung lên. Có khi viết là nháy, chẳng phải nghĩa này.

Vấn tẩn: Ngọc Thiên nói tẩn là hỏi thăm, lời nói, chấp vấn thông vấn gọi là tẩn.

Cự thân: Tự Lâm nói cự là lớn. Phương Ngôn nói giữa Tề, Tống nói lớn là cự. Thuyết Văn gọi là

A-dật-đa: A-thị-đa, nghĩa là vô năng thắng, danh hiệu Phật Di-lặc.

Bị tinh tẩn: Bị là mang, có khi viết nghĩa là giáng ra phủ lên, Phương Ngôn nói bài là tản ra, chẳng phải nghĩa này.

Phấn tẩn: Phấn là dương lên, Quảng Nhã gọi là chấn, tẩn là nhanh, như chim bay thì lông dựng lên thân to ra.

Đầu đà: Đổ-da nghĩa là đào thải hoặc gọi vứt bỏ. Hoặc gọi cải

thiện, ý nói bỏ đi dơ dáy. Còn nghĩa là đấu tẩu chẳng phải lý này.

Hội niệu: Hội là loạn, phiến, niệu là ồn ào.

Đà-da-thành:

Diện trứ.

### PHẨM NHƯ LAI THỌ LƯỢNG

Thích thị: Các kinh nói họ cù đàm, thị tánh là khác, tánh là hệ thống trăm đời khiến không khác. Kinh cảm sanh ra. Thị là phát lát. Từ con cháo hoặc vì đất đai, hoặc do quan tước. Nên Thế Bản nói tánh là ở trên thị là ở dưới.

Na-do-tha: Vì trong năm mươi hai số của mười tích là số thứ mười hai.

Niên kỷ: Mười hai năm là một kỷ.

Bái quý: Quý là bái. Tả Truyện nói quý mà phép.

Đảo sớ: Thuyết Văn gọi là dụng cụ bằng tre, có thể gọt bỏ phần thô lấy phần tế, Thiết Vận gọi là tấm lưới.

Trừ dũ: (đã giải).

Ưc tải: Hoàng Đế tạo số pháp có mười bậc. Đó là ức, triệu, kinh, cai, nhượng, đệ, cấu, cách dùng có ba. Thượng trung, hạ. Số hạ mười vạn là ức, số trung là trăm vạn ức. Số thượng là vạn vạn là ức.

Du-lạc: Đạo chơi nơi cảnh đẹp sanh tâm vui mừng.

### PHẨM PHÂN BIỆT CÔNG ĐỨC

Lượng toàn: Toàn là trở lại, Thiết Vận nói như dòng nước xoáy lại.

Tâm phân: Ngọc Thiên nói tâm tâm là qua lại, phân loạn, Quảng Nhã là loạn.

Đàn: Là đàn ra, bố thí.

Thi-la: Thi-la là thanh lương, thuận theo cổ là tịnh giới.

Sàn-đề: Là an nhẫn.

Tỳ-ly-da: Là tinh tấn.

Thiên: Thiên-na. Tĩnh lự

Bát nhã: Ở trong nhân gọi là Na-la-nhã. Hán dịch là tuệ, ở trong quả gọi là Tát Phược Nhã, hoặc nói nhất thiết trì hoặc nói nam trí.

Tháp tứ: Phạm gọi là Tỳ-ha-la, nghĩa là nơi du hành. Chính là nơi nhiều người vân du. Cũng gọi là tăng viên, nay lấy chữ tự để thay thế, Quảng Nhã nói tự là trị, Thích Danh nói tự là từ. Người trông coi quản

ký phải nối tiếp nhau.

Tăng phóng: Tự Lâm nói phóng là tên khác của thất.

Đa-la-thọ: Xứ này không có, xưa tương truyền cây này cao bảy nhẵn, một nhẵn là bảy thước, thân nó như cây sồi thật cao bảy mươi, tám mươi thước, hoa như lúa vàng lớn như cái bát, người ta ăn nó rất nhiều.

Tu-mạn-hương: Hoa Tô-mạt-na rất thơm.

Chiêm-bạc: Chiêm-bác-ca, Hán dịch là hoa vàng, hoa nhỏ mà thơm. Ở Tây Vực rất nhiều vườn cây này.

A-đề-mục-đa: Loại này ở phương này không có nên không dịch.

Huân du: Cỏ thơm, lấy cỏ thơm hòa ngâm trong diếp đắng để cho mềm mới ép làm dầu, nên gọi là huân du.

### PHẨM TÙY HỖ CÔNG ĐỨC

Mạch: Ngọc Thiên nói Đông Tây là mạch, mạch là con đường.

Khiển súc: là thu gắn lại.

Thô sáp:

Sang chẩn: Bệnh ngứa trên môi, Tam Thương nói là phong thủng.

Oa khô: Mồm méo mắt lệch.

Biển thê: Toán văn gọi là mỏng. Nay Văn Thông Tục gọi là rộng mà mỏng là biển thê, Quan Trung gọi là tấm biển.

Khúc lệ: Tự Lâm nói lệ cũng là cong, Thiết Vận gọi là trái.

Oa khúc: Ngọc Thiên nói oa là chỗ trũng cong xuống, Quảng Nhã gọi là xuống Tự Lâm gọi là ản. Ngọc Thiên nói khúc là cong, nhỏ.

Ngạch: Cái ngạch cửa.

### PHẨM PHÁP SƯ CÔNG ĐỨC

Mệnh mệnh điều: Chim cọng mạng.

Xà-đề: Hoa kim tiền.

Mạt-lợi-hoa: Tràng hoa có thể làm búi tóc.

Soạn tập: Quảng Nhã nói soạn là định soạn thuật.

Ba-lợi-chất-đa-la: Hương cây viên sanh.

### PHẨM THƯỜNG BẤT KHINH: Tương.

**PHẨM THẦN LỰC**

Khánh khái: Thuyết Văn, Ngọc Thiên cũng nói là khái, Thương Hiệt Thiên gọi là thanh, có khi viết nhạc khí. Khái, Ngọc Thiệu, Thuyết Văn gọi là khái là họ. Có khi viết hài là trẻ ho. Chẳng phải nghĩa này.

**PHẨM CHỨC LỰY**

Chức là phó thác, Thuyết Văn gọi là nối tiếp. Quảng Nhã gọi là ủy thác. Nghĩa là đem nhiệm vụ phó thác cho.

**PHẨM DƯỢC VƯƠNG**

Nghiên: Ngói

Ca-la: Câu Xá Luận nói trong năm mươi hai số tăng gấp mười lần số thứ mười sáu.

Tàn-bà-la: Số thứ mười tám.

A-súc-bà: Số thứ hai mươi.

Ngã thích: Thích là xưa, Chánh Pháp Hoa nói ta xưa cúng dường.

Tam Thương, cổ văn viết

Tu-đà-hoãn: Dự lưu.

Tư-đà-hàm: Nhất vãng lai.

A-na-hàm: Bất hàm.

A-la-háp: Ứng cúng.

Oán địch: Quảng Nhã gọi là oán đối, Nhĩ Nhã gọi địch là đôi.

**PHẨM DIỆU ÂM**

Kim cang vi tu.

Động diêu: Diêu là cây lay động.

Yên thúc ca: Báu sắc đỏ, Tây Vực Ký nói ở Ấn Độ có rất nhiều cây yên thúc ca hoa nó màu đỏ, hình lớn như bàn tay, sắc màu của thứ báu này, giống màu hoa ấy. Nhân đó đặt tên

Na-la-diên: Tên trời đa lực.

Tể quan: Thanh Loại nói tể là trị, nghĩa là quan lại cai quản ếp. Quảng Nhã nói tể là chế, nghĩa là người soạn thảo công việc.

## PHẨM QUÁN ÂM

Thuyền phưởng: Ngọc Thiên nói chu là thuyền, Ngọc Thiên nói phưởng là thuyền.

Phiêu đọa: Thuyết Văn nói phiêu là nổi trôi chánh pháp hoa gọi là trôi nổi.

Sửu giới: Ngọc Thiên gọi là sắt cốc, gông cùm.

Kiểm hệ: Quảng Nhã nói kiểm là giáp nghĩa là gông lại không mở ra được còn gọi là sắt, nghĩa là kiểm tra trói buộc.

Đường quyên: Đường là luống, không, Thương Hiệt Thiên nói quyên là bỏ.

Chúc trở: Thuyết Văn viết cũng như nay đều viết Thích Danh nói chú là chúc. Nghĩa là đem lời thiện ác chúc cho nhau, trở là bảo người làm việc theo lời mình. Có khi viết là tự là nhấm, chẳng phải nghĩa này. Thiệt Vận gọi là thư, lấy lời để đáp.

Chế điện: Âm dương xoẹt chớp. Thích Danh nói chế là dẫn, điện là diển, nghĩa là chợt thấy rồi vụt tắt. Quan Trung nói chớp nhoáng.

Giáng bào: Trịnh Huyền chú Lễ Ký nói dương là mưa âm là khí. Kết lại thành bào.

Giới lôi: Thi nói sao không nói giới, giới là cảnh tĩnh. Phương Ngôn nói giới là phòng bị.

Tứ ý diệu đại vân: Mai-đát-lợi-mạt-na sanh từ ý.

## PHẨM ĐÀ-LA-NI

Tổng trì có bốn, đây Là Minh Chú

Dược vương Bồ-tát chú

La-sát: La-sát-bà gọi là bạo ác.

Kiết giá: Ngật lật là sở tác.

Tứ câu: Trịnh Huyền chú Lễ Ký nói tứ là dò xét, Cố Dã Vương nói tứ là chờ đợi, Vận Thuyên nói tứ là dòm lén nhau. Thương Hiệt Thiên nói hai người chờ nhau, Thuyết Văn cổ kim chính là viết bộ nhân, Tỳ Thương nói

Tỳ-sa-môn: Nghĩa là Đa Văn là Thiên Vương ở Phương Bắc trong Tứ Thiên Vương.

Hào đế:

Áp du: Áp là hoại, trấn.

### **PHẨM DIỆU TRANG NGHIÊM VƯƠNG**

Chỉ trảo: Là móng tay, có khi viết Ngọc Thiên nói là vẩy.

Cám thanh: Thuyết Văn nói lụa bạch nhuộm màu xanh mà hiện màu đỏ, Thích Danh nói cám là hàm. Màu xanh mà bao hàm màu đỏ. Thuyết Văn nói trong màu xanh đỏ sanh ra sắc đỏ như tía sẫm màu Ma- ni khác với màu này.

Như kha: Thuộc loại ốc, xuất phát từ biển trắng, như tuyết.

Tần bà quả: Loại quả màu đỏ còn nhuận trường, phương này không có.

### **PHẨM PHỔ HIỀN**

Trong Đà-la-ni nói Đế-a-nọ-tăng-già suất lược: Âm nọ: Phạm ngữ là hằng bị.

Liêu lệ: Liêu là nhiều, nghĩa là ràng rịt.

Giác lai: Thuyết Văn, Ngọc Thiên nói đồng tử không nghiêm chỉnh.

